TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 18-3-2020
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Trịnh Tôn Nám

Ông Trần Minh Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị M, sinh năm 1969 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Võ Thanh D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Hồng N, snh năm 1962

Cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lê Mỹ D1, sinh năm 1988.

Cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tại biên bản hòa giải ngày 14 tháng 11 năm 2019 bà N xin vắng mặt; tại tờ tường trình ngày 07 tháng 02 năm 2020 bà D1 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tô Thị M trình bày: vào ngày 10 tháng 01 năm 2018 bà có nhận cầm cố căn nhà của ông Võ Thanh D cư ngụ tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau với số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn là 01 năm đến ngày 10 tháng 10 năm 2019 là tới thời hạn chuộc. Đến hạn chuộc ông D không chuộc lại nhà và trả tiền cho bà. Ngày 12 tháng 4 năm 2019 bà có yêu cầu Ban nhân dân ấp L giải quyết ông D có hứa sau 02 tháng sẽ trả tiền cho bà nhưng ông D không thực hiện theo thỏa thuận. Đến ngày 27/6/2019 bà tiếp tục yêu cầu Ban nhân dân ấp L giải quyết thì bà Nguyễn Hồng N là mẹ vợ ông D đứng ra bảo lãnh cho ông D và viết tờ bảo lãnh hứa vào ngày 25 hàng tháng sẽ trả cho bà 5.000.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 7 năm 2019 bà N trả cho bà 5.000.000 đồng, sau đó bà N không trả tiếp. Nay bà yêu cầu ông D cùng vợ là Lê Mỹ D1 trả cho bà số tiền 55.000.000 đồng và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp nhà ở và đất ở ngày 10/01/2018 giữa bà và ông Võ Thanh D. Hiện căn nhà trên ông D đang quản lý sử dụng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2019 bị đơn ông Võ Thành D trình bày: Ông D thừa nhận có nợ bà M số tiền 55.000.000 đồng, số tiền này ông cùng vợ là bà Lê Mỹ D1 vay sử dụng vào mục đích sinh hoạt trong gia đình, bà N là mẹ vợ chỉ đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng ông nên không có liên quan đến số nợ. Ông đồng ý cùng bà D1 trả cho bà M số tiền 55.000.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 14 tháng 11 năm 2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng N trình bày: Bà có đứng ra bảo lãnh cho ông Võ Thanh D trả nợ cho bà Tô Thị M. Do số nợ trên là của ông Võ Thanh D nên ông D có trách nhiệm trả cho bà M, bà không đồng ý trả cho bà M số tiền 55.000.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 07 tháng 02 năm 2020 bà Lê Mỹ D1 trình bày: Theo lúc đầu bà được biết, bà có đồng ý cùng chồng là ông Võ Thanh D vay của bà M số tiền 40.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng bà không biết. Bà đồng ý cùng ông D trả nợ cho bà M, nhưng hiện nay hoàn cảnh bà khó khăn nên bà xin được trả từ từ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng thế chấp nhà ở và đất ở giữa bà Tô Thị M và ông Võ Thanh D là vô hiệu. Buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 trả cho bà Tô Thị M số tiền 55.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tô Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Thanh D trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Võ Thanh D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Thanh D. Bà Lê Mỹ D1, bà Nguyễn Hồng N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Mỹ D1, bà Nguyễn Hồng N.

[3] Tại phiên tòa bà M yêu cầu ông D, bà D1 trả số tiền vay là 55.000.000 đồng. Ông D và bà D1 thừa nhận có vay của bà M số tiền 60.000.000 đồng, bà N đã trả cho bà M 5.000.000 đồng, còn nợ lại 55.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà M 55.000.000 đồng. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa bà M với ông D, bà D1 là có thật vì các đương sự đã thừa nhận, nên bà M yêu cầu ông D, bà D1 trả số tiền 55.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng thế chấp nhà ở, đất ở ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa bà M với ông D là vi phạm pháp luật về hình thức của hợp đồng vì không có công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch có đảm bảo theo quy định của pháp luật. Mặc khác, nhà ở và đất ở của ông D chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nên ông D không có quyền thế chấp nhà ở và đất ở theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận nên bà M không phải chịu án phí, bà M đã nộp tạm ứng án phí 1.375.000 đồng được nhận lại. Ông D, bà D1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 117, Điều 122 Điều 129, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Điều 470 và Điều 502 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố hợp đồng thế chấp nhà ở, đất ở ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa bà Tô Thị M với ông Võ Thanh D vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị M. Buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tô Thị M số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Tô Thị M không phải chịu án phí, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019547 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà M được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều